

Số: 1734/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 01 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp vận hành liên hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cản Đon, Srok Phu Miêng và hồ thủy lợi Phước Hòa trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai năm 2013; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1277/TTr-SCT ngày 18 tháng 6 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp vận hành liên hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cản Đon, Srok Phu Miêng và hồ thủy lợi Phước Hòa trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cản Đon, Srok Phu Miêng, hồ thủy lợi Phước Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P: TH, KT;
- Lưu: VT, (Quế-29.6).



Trần Văn Mi



## QUY CHẾ

**Phối hợp vận hành liên hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn,  
Srok Phu Miêng và hồ thủy lợi Phước Hòa trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1734 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc, nhiệm vụ và trách nhiệm chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là chính quyền địa phương) và Chủ hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và hồ thủy lợi Phước Hòa trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Chủ hồ chứa) trong việc vận hành liên hồ chứa trên dòng Sông Bé .

##### 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chính quyền địa phương và Chủ hồ chứa thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và hồ thủy lợi Phước Hòa trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 2. Nguyên tắc phối hợp, quản lý**

1. Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chính quyền địa phương và Chủ hồ chứa trên địa bàn tỉnh Bình Phước để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý vận hành liên hồ chứa trên dòng sông Bé theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp quản lý nhà nước thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chính quyền địa phương và các Chủ hồ chứa trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ; không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và tiến độ thời gian trong quá trình phối hợp.

4. Đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức tham gia phối hợp; đồng thời công tác phối hợp của cá nhân không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của cơ quan phối hợp liên quan.





### **Điều 3. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên vận hành**

Hàng năm, các hồ: Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng, Phước Hòa (sau đây gọi tắt là các hồ) trên lưu vực sông Bé phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình hồ chứa: Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng, Phước Hòa không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra hoặc mực nước lũ thiết kế với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện và dòng chảy tối thiểu trên sông.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình hồ chứa.

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước ở hạ du và dòng chảy tối thiểu trên sông.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước và phát điện.

### **Điều 4. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn**

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ):

Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 11 hàng năm.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn): Ngoài thời gian quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 5. Vận hành các công trình xả của các hồ chứa**

Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải tuân thủ trình tự, phương thức đóng, mở cửa van theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được cấp có thẩm quyền ban hành, nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối; bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ chứa.

### **Điều 6. Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa**

Các thông số kỹ thuật cơ bản của các hồ chứa theo Phụ lục I của Quy chế này.

## **Chương II**

### **VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ**

#### **Điều 7. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du**

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành, trừ các trường hợp bất thường quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 của Quy chế này



hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm không được gây dòng chảy đột biến, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân ở khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp vận hành sai các quy định trong quy chế này gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy chế này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt quá mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1 của Quy chế này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn, thời kỳ triều cường; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo tiếp theo để vận hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Khi kết thúc quá trình giảm lũ cho hạ du, vận hành trong tình huống bất thường hoặc vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1 của Quy chế này.

#### **Điều 8. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ**

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông Bé tại Trạm thủy văn Phước Hòa thực hiện theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1. Mực nước cao nhất trước lũ của các hồ trong mùa lũ

Thời kỳ Hồ	Mực nước hồ (m)					
	Từ 01 tháng 7 đến 31 tháng 7	Từ 01 tháng 8 đến 31 tháng 8	Từ 01 tháng 9 đến 30 tháng 9	Từ 01 tháng 10 đến 31 tháng 10	Từ 01 tháng 11 đến 30 tháng 11	Từ 01 tháng 12 đến 31 tháng 12
Thác Mơ	216,0			216,0- 218,0	217,0 - 218,0	(*)
Cần Đơn	109,0			109,0- 110,0	109,5- 110,0	(*)
Srok Phu Miêng	Mực nước cao nhất không được vượt quá mực nước dâng bình thường (72m)					(*)
Phước Hòa	Mực nước cao nhất không được vượt quá mực nước dâng bình thường (42,9m)					(*)

(\*) Thời gian vận hành mùa cạn

3. Mức nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mức nước đón lũ thấp nhất của các hồ

Thời kỳ Hồ	Mức nước hồ (m)			
	Từ 01 tháng 7 đến 30 tháng 9	Từ 01 tháng 10 đến 31 tháng 10	Từ 01 tháng 11 đến 30 tháng 11	Từ 01 tháng 12 đến 31 tháng 12
Thác Mơ	215,5	216,0	217,0	(*)
Cần Đơn	108,7	109,0	109,5	(*)

(\*) Thời gian vận hành mùa cạn

4. Mức nước tại trạm thủy văn để quyết định các hồ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Mức nước tại trạm thủy văn Phước Hòa là giá trị giữa (trung bình cộng) của mức nước tương ứng với cấp báo động I và cấp báo động II;

### **Điều 9. Các chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ**

1. Việc vận hành các hồ: Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng, Phước Hòa trong thời gian mùa lũ quy định tại Điều 4 của Quy chế này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

(i) Đối với các hồ Thác Mơ, Cần Đơn được quy định cụ thể tại Điều 10 của Quy chế này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ chế độ vận hành sau:

- Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất hoặc về mực nước cao nhất trước lũ theo quy định để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại các trạm thủy văn trên lưu vực sông Bé, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian và lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ, tạo thêm dung tích phòng lũ.

- Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/- 10%) nhằm duy trì mực nước hồ.

- Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt mực nước dâng bình thường.



Ngoài ra, việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm cả chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất đối với trường hợp mực nước hồ thấp hơn so với mực nước đón lũ theo quy định.

(ii) Đối với các hồ chứa Srok Phu Miêng, Phước Hòa việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định tại Điều 11 của Quy chế này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước các hồ đạt mực nước dâng bình thường mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định cụ thể tại Điều 12 của Quy chế này.

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định cụ thể tại Điều 13 của Quy chế này.

d) Vận hành trong tình huống bất thường: là quá trình điều chỉnh chế độ vận hành hồ để xử lý các tình huống cụ thể quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và được quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

đ) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, dòng chảy tối thiểu trên sông Bé gắn với nhiệm vụ cấp nước, phát điện và được quy định cụ thể tại Điều 14 của Quy chế này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ: Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng, Phước Hòa phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt ở hạ du trên lưu vực sông Bé (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp không có dự báo có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt:  $400 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với hồ Thác Mơ (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ) thì phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định.

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện các tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trước lũ theo quy định của Quy chế này, đồng thời có bản tin kết thúc đợt mưa, lũ hoặc mực nước tại các trạm thủy văn trên lưu vực sông Bé đã xuống dưới mức báo động I, còn đang tiếp tục xuống và không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

b) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ



khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường, mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước các hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường và lũ đến hồ đã giảm.

c) Các hồ phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường nếu trong quá trình vận hành các hồ mà xuất hiện một trong các tình huống sau:

- Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo tiếp tục xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện đợt mưa, lũ lớn tiếp theo mà ở dưới hạ du đang bị ngập, lụt do lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai từ cấp độ 3 trở lên.

- Mực nước của một trong các hồ Thác Mơ, Cần Đơn đã đạt đến mực nước dâng bình thường, mà mực nước tại một trong trạm thủy văn Phước Hòa vẫn trên báo động III.

- Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của hồ chứa, an toàn công trình thủy lợi, kết cấu hạ tầng ở hạ du.

- Các tình huống bất thường khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để đảm bảo an toàn cho hạ du.

Việc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường được thực hiện kể từ khi xuất hiện một trong các tình huống bất thường quy định tại điểm này cho đến khi các tình huống đó đã hết hoặc đã được khắc phục.

d) Các hồ được thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ sau ngày 01 tháng 10 đối với các hồ Thác Mơ, Cần Đơn mà không có bản tin cảnh báo hoặc dự báo quy định tại điểm a khoản này và Tổng cục Khí tượng thủy văn dự báo trong 10 ngày tới ở các địa phương trên lưu vực sông Bé không xuất hiện các hình thế thời tiết có thể gây mưa, lũ lớn trên lưu vực.

đ) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, các hồ thực hiện chế độ vận hành đảm bảo cấp nước và phát điện, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trước lũ (sau đây gọi tắt là chế độ vận hành bình thường).

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với các hồ Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng: Phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền chỉ đạo, quyết định của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là người có thẩm quyền).

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết.

c) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình,



vận hành trong điều kiện bình thường và vận hành tích nước cuối mùa lũ do Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hồ, đập quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

đ) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp bằng các hình thức phù hợp khác (sau đây gọi tắt là lệnh vận hành). Khi chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp bằng các hình thức phù hợp khác thì trong vòng 12 giờ cơ quan của người ra lệnh phải gửi văn bản gốc đến Chủ hồ chứa để lưu trữ, phục vụ kiểm tra, giám sát việc vận hành. Trường hợp người có thẩm quyền quy định tại điểm b và điểm c khoản này không chỉ đạo bằng văn bản thì Chủ hồ chứa phải thông báo lại việc thực hiện bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường theo quy định của Quy chế này mà Chủ hồ chứa không nhận được quyết định, chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Chủ hồ chứa quyết định việc vận hành theo quy định của Quy chế này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời báo cáo ngay Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ thủy điện Thác Mơ và Cản Đơn**

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du do Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định trong các trường hợp sau:

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa đang dưới báo động I thì quyết định thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ, nhưng tối đa không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ quy định tại điểm b của khoản này, cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c của khoản này, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy chế này.





b) Nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa vượt mức báo động I nhưng vẫn dưới mực nước (mực nước trung bình cộng của mực nước tương ứng với cấp báo động I và cấp báo động II tại trạm thủy văn Phước Hòa) để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này hoặc lưu lượng đến hồ Thác Mơ từ 400 m<sup>3</sup>/s đến 600 m<sup>3</sup>/s thì quyết định thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm c khoản này, hạ dần mực nước hồ quy định tại điểm d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

c) Nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa vượt mực nước (mực nước trung bình cộng của mực nước tương ứng với cấp báo động I và cấp báo động II tại trạm thủy văn Phước Hòa) để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này hoặc lưu lượng đến hồ Thác Mơ lớn hơn 600 m<sup>3</sup>/s thì quyết định thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì quyết định thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ, đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì quyết định thực hiện vận hành để hạ dần mực nước hồ về mực nước cao nhất trước lũ quy định tại Bảng 1, nếu xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa đã xuống dưới mức báo động I.

- Mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa vẫn trên mức báo động I nhưng dưới mực nước (mực nước trung bình cộng của mực nước tương ứng với cấp báo động I và cấp báo động II tại Trạm Thủy văn Phước Hòa) để quyết định vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Quy chế này và dự báo có khả năng xuất hiện đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ lại tiếp tục lên thì căn cứ vào từng trường hợp mực nước trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để quyết định thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Nếu mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa đang dưới báo động I thì quyết định thực hiện vận hành điều tiết hồ thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ



vào mực nước trạm thủy văn và lưu lượng đến hồ tương ứng để quyết định thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

### **Điều 11. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ Srok Phu Miêng, Phước Hòa**

Trong quá trình các hồ Thác Mơ, Cần Đơn vận hành, các Chủ hồ chứa Srok Phu Miêng, Phước Hòa phải tham gia cùng với các hồ chứa bậc trên, bậc dưới phối hợp vận hành để giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của hồ, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chống lũ và được quy định cụ thể như sau:

#### **1. Đối với các hồ Srok Phu Miêng:**

a) Trong quá trình các hồ bậc trên vận hành giảm lũ cho hạ du, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

#### **2. Đối với hồ Phước Hòa**

a) Trong quá trình các hồ Thác Mơ và Cần Đơn vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

Trong quá trình vận hành, nếu hồ Dầu Tiếng vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại Điều 13 của Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Đồng Nai đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 thì không được vận hành chuyển nước sang hồ Dầu Tiếng.

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

### **Điều 12. Vận hành bảo đảm an toàn công trình**

Trong quá trình vận hành, khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo Quy trình vận hành của hồ chứa đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đồng thời Chủ hồ chứa phải báo cáo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

### **Điều 13. Tích nước cuối mùa lũ**

1. Khi các hồ Thác Mơ, Cần Đơn thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 thì Chủ hồ chứa phải báo cáo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.



Việc vận hành tích nước phải bảo đảm mực nước hồ không được vượt quá mực nước cao nhất trước lũ tương ứng quy định tại Bảng 1.

2. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ, mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin dự báo để xem xét điều chỉnh, chuyển sang chế độ vận hành hồ giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du) hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình (nếu có) phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quy chế này.

3. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở dưới hạ du theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

#### **Điều 14. Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường**

Trong thời gian các hồ được thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định của Quy chế này, Chủ hồ chứa được chủ động vận hành phát điện nhưng phải đảm bảo yêu cầu về mực nước cao nhất trước lũ, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và phải thực hiện vận hành hàng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở dưới hạ du như sau:

1. Đối với các hồ Thác Mơ, Cần Đơn phải bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn:

a) 45 m<sup>3</sup>/s đối với hồ Thác Mơ.

b) 53 m<sup>3</sup>/s đối với hồ Cần Đơn.

2. Đối với các hồ Srok Phu Miêng phải vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 10%).

3. Đối với hồ Phước Hòa: Phải vận hành xả thường xuyên, liên tục qua đập Phước Hòa về hạ du sông Bé, bảo đảm lưu lượng từ 14 m<sup>3</sup>/s đến 25 m<sup>3</sup>/s và vận hành kênh chuyển nước Phước Hòa - Dầu Tiếng phù hợp với yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng, Phước Hòa.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy chế này thì các hồ phải thực hiện việc xả nước về hạ du theo yêu cầu.

#### **Điều 15. Vận hành các hồ trong các tình huống bất thường**

Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của nhân dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác.



### Chương III

## VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

#### **Điều 16. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn**

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn.
2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy chế này.
3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở dưới hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy chế nhằm đưa mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy chế này.

#### **Điều 17. Các thời kỳ vận hành hồ chứa trong mùa cạn**

Đối với các hồ Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và Phước Hòa:

- 1) Thời kỳ I: Từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2) Thời kỳ II: Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 4 hàng năm.
- 3) Thời kỳ III: Bao gồm thời gian còn lại của mùa cạn.

#### **Điều 18. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn**

1. Chủ hồ chứa được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại Điều 19 của Quy chế này, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.
2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước hồ Thác Mơ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ chứa phải đề xuất phương án vận hành hồ, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm bảo đảm chậm nhất đến ngày 01 tháng 02 đối với hồ Thác Mơ mực nước hồ không thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.
3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước hồ Thác Mơ vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này) thì Chủ hồ chứa phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp nhằm đưa dần mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy chế này. Việc điều chỉnh chế độ vận hành (lưu lượng, thời gian) xả nước xuống hạ du của các hồ được thực hiện cho đến khi mực nước hồ không thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.



4. Trường hợp xảy ra hạn hán với cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán từ cấp độ 2 trở lên (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này), căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ, dự báo lưu lượng đến hồ và nhu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du, Chủ hồ chứa lập phương án, báo cáo gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hoặc gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp với tình hình hạn hán và bảo đảm yêu cầu sử dụng tối thiểu đến cuối mùa cạn, bao gồm cả việc xem xét sử dụng một phần dung tích chết của các hồ thông qua việc xả nước qua các cửa van.

5. Trường hợp trong thời gian vận hành mùa cạn quy định tại Điều 4 của Quy chế này mà xuất hiện một trong các tình huống bất thường dưới đây thì Trường Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định việc vận hành các hồ theo chế độ vận hành trong mùa lũ quy định tại Quy chế này hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai:

a) Khi Tổng cục Khí tượng thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 1 trở lên.

b) Khi mực nước của một trong các hồ Thác Mơ, Cần Đơn đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà mực nước tại Trạm Thủy văn Phước Hòa trên báo động I.

c) Xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố công trình.

d) Các tình huống khác có nguy cơ đe dọa đến an toàn công trình, khu vực hạ du.

Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ trong các tình huống bất thường quy định tại khoản này phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ và yêu cầu đảm bảo an toàn cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn công trình.

### **Điều 19. Vận hành các hồ Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và Phước Hòa**

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm yêu cầu sử dụng nước như sau:

1. Hồ Thác Mơ:

Vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ Thác Mơ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Không nhỏ hơn  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.

- Không nhỏ hơn  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.

- Không nhỏ hơn  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.



b) Trường hợp mực nước hồ trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ  $50 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.
- Từ  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.
- Từ  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.

III: c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III:

- Từ  $45 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $50 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.
- Từ  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.
- Từ  $50 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.

#### 2. Hồ Cần Đơn:

Vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn 108,5 m:

- Không nhỏ hơn  $63 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.
- Không nhỏ hơn  $70 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.
- Không nhỏ hơn  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.

b) Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng 105,5 m đến 108,5 m:

- Từ  $58 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $63 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.
- Từ  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $70 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.
- Từ  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.

c) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn 105,5 m:

- Từ  $53 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $58 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ I.
- Từ  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $65 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ II.
- Từ  $55 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $60 \text{ m}^3/\text{s}$  đối với thời kỳ III.

#### 3. Hồ Srok Phu Miêng:

Vận hành xả nước về hạ du bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép  $\pm 10\%$ ).

#### 4. Hồ Phước Hòa:

Vận hành kênh chuyển nước Phước Hòa - Dầu Tiếng phù hợp với yêu cầu sử dụng nước trong hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng, Phước Hòa và vận hành xả nước thường xuyên, liên tục qua đập Phước Hòa về hạ du sông Bé, bảo đảm lưu lượng như sau:

a) Trường hợp mực nước hồ cao hơn 42,6 m: không nhỏ hơn  $25 \text{ m}^3/\text{s}$ ;

b) Trường hợp mực nước hồ thấp hơn 42,6 m: từ  $14 \text{ m}^3/\text{s}$  đến  $25 \text{ m}^3/\text{s}$ .

**Chương IV**  
**PHỐI HỢP THỰC HIỆN VÀ QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC**  
**VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO**

**Điều 20. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh**

1) Trong mùa lũ:

- Tổ chức xây dựng giải pháp lưu trữ, cập nhật các thông tin, số liệu khí tượng thủy văn, vận hành hồ chứa và công cụ tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.

- Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành các hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm mở cửa xả đầu tiên, trừ các trường hợp khẩn cấp, bất thường.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ; chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn dân cư ở hạ du khi các hồ xả nước.

- Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải chỉ đạo thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp huyện) trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của các Bộ: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai bằng các hình thức phù hợp. Riêng Phước Hòa còn phải thông báo ngay đến Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

- Khi nhận được thông báo lệnh vận hành hồ từ Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh lân cận, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trong mùa cạn:

Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền trong trường hợp bất thường theo quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy chế này, đồng thời báo cáo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, xử lý.



## **Điều 21. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy chế này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này đối với đơn vị quản lý, vận hành các hồ trên địa bàn tỉnh.

3. Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 và khoản 3, khoản 4 Điều 18 của Quy chế này.

4. Chỉ đạo xây dựng phương án chủ động phòng, chống lũ lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt và hạn hán trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

5. Chỉ đạo xử lý các tình huống xả lũ khẩn cấp và ứng phó các sự cố khẩn cấp đối với hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Bé theo thẩm quyền, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai theo quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy chế này.

7. Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy chế này.

8. Chỉ đạo các Chủ hồ chứa lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy chế này.

9. Chỉ đạo thực hiện việc thiết lập, quản lý hành lang thoát lũ của các hồ chứa và thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đập theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Chủ hồ chứa**

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy chế này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc dự báo và cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy chế này.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh (thông qua Sở Nông



nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường), Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Cục Quản lý tài nguyên nước và về hệ thống giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của các hồ chứa theo quy định. Đối với các hồ thủy điện còn phải truyền dữ liệu về Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia và Cục Điều tiết điện lực. Riêng đối với hồ thủy lợi Phước Hòa còn phải truyền dữ liệu về Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Việc truyền dữ liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia và Cục Điều tiết điện lực, Tổng cục Thủy lợi theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện hàng ngày.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông suối ở khu vực hạ lưu đập, nhà máy trước khi vận hành xả lũ qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột lưu lượng xả xuống hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 9 của Quy chế này.

- Trường hợp xảy ra tình huống bất thường, không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ chứa phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả, các Chủ hồ chứa phải thông báo ngay tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Tổng cục Khí tượng thủy văn, Chủ hồ chứa bậc dưới liên kề và Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Đài Khí tượng thủy văn Bình Phước.

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này. Khi vận hành đảm bảo an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương đối với các hồ thủy điện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hồ thủy lợi); Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hồ thủy lợi.

d) Việc thông báo tới các cơ quan quy định tại các điểm b và điểm c khoản này được thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 4 Điều 25 của Quy chế này, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Khi xuất hiện các trường hợp bất thường quy định tại điểm c khoản 2



Điều 9 của Quy chế này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất để xem xét, quyết định việc vận hành hồ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy chế này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy chế này.

b) Đề xuất phương án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương thống nhất phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố mà không thể vận hành hồ theo quy định của Quy chế này.

c) Đề xuất phương án, báo cáo Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, quyết định việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường quy định tại khoản 5 Điều 18 của Quy chế này.

d) Đề xuất phương án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để quyết định điều chỉnh chế độ vận hành nếu xảy ra các tình huống hạn hán, thiếu nước theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này.

**Điều 23. Trách nhiệm về an toàn các công trình**

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy chế này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thủy lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì Chủ hồ chứa có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ chứa liên quan có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương đối với các hồ thủy điện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hồ thủy lợi) để chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

4. Nếu phát hiện sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện ở hạ du thì Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo và đề xuất





phương án khắc phục với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương đối với các hồ thủy điện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hồ thủy lợi). Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương để xử lý, đồng thời báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai.

5. Hàng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ chứa có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định; đồng thời báo cáo tới Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương đối với các hồ thủy điện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hồ thủy lợi), Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các hồ thủy lợi để theo dõi, chỉ đạo.

6. Trường hợp có sự cố công trình hoặc trang thiết bị, không thể sửa chữa xong trước khi bắt đầu mùa lũ quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Chủ hồ chứa phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 5 Điều này để chỉ đạo xử lý.

#### **Điều 24. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ**

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước, Chủ hồ chứa phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hàng ngày, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn phải tăng cường công tác dự báo, cảnh báo thiên tai, kịp thời thông tin đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Phước (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường), Chủ hồ chứa và người dân biết, chủ động triển khai các biện pháp phòng chống phù hợp đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

b) Hàng ngày, Chủ hồ chứa phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 04 lần/ngày vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 9 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.



2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước, Chủ hồ chứa phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn. Tần suất ban hành bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai).

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước trên hệ thống sông Bé theo quy định.

- Thực hiện bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp theo quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm thủy văn trên lưu vực sông Bé đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy chế này.

b) Chủ hồ chứa phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua công lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 15 phút một lần.

- Thực hiện bản tin dự báo lũ đến hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới.

- Đối với chủ các hồ Thác Mơ còn phải theo dõi và phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt các giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy chế này và báo cáo tới Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Hàng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 của Quy chế này, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Bé để phục vụ việc điều hành vận hành các hồ theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

### **Điều 25. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ**

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước, Chủ





hồ chứa phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Quy chế này cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các đơn vị quản lý, vận hành hồ trước 17 giờ hàng ngày.

b) Chủ hồ chứa phải cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 của Quy chế này cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước và các Chủ hồ chứa bậc dưới liền kề trước 10 giờ hàng ngày, đồng thời, phải cung cấp cho Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa lũ, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước, Chủ hồ chứa phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn phải cung cấp ngay và liên tục bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 của Quy chế này cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các đơn vị quản lý, vận hành hồ.

Khi mực nước tại các Trạm Thủy văn Phước Hòa đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy chế này thì phải thông báo cho Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), các đơn vị quản lý, vận hành hồ.

b) Chủ hồ chứa phải cung cấp ngay bản tin dự báo kèm theo số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 của Quy chế này cho Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước, các Chủ hồ chứa bậc dưới liền kề, đồng thời phải cung cấp cho Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ.

### 3. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ chứa có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ chứa phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có



liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương), Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Công Thương và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy lợi đối với các hồ thủy lợi để theo dõi, chỉ đạo.

b) Hàng năm, chậm nhất sau 15 ngày khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 4 của Quy chế này, Chủ hồ chứa phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương); Bộ Công Thương, Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thủy lợi đối với các hồ thủy lợi; Cục Quản lý tài nguyên nước để theo dõi, chỉ đạo.

#### 4. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- a) Bảng fax.
- b) Chuyển bản tin qua Zalo, thư điện tử, tin nhắn điện thoại....
- c) Thông tin trực tiếp qua điện thoại.
- d) Liên lạc bằng máy thông tin vô tuyến điện.
- đ) Các hình thức thông tin, liên lạc khác.

### **Điều 26. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin báo cáo trong mùa cạn**

#### 1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của mình trên hệ thống sông Bé

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Bé vào ngày 02 hàng tháng.

b) Chủ hồ chứa phải thực hiện quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc lưu lượng đến hồ, lưu lượng qua đập tràn, qua nhà máy, qua công lấy nước đầu kênh (đối





với hồ thủy lợi), mực nước thượng, hạ lưu hồ ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

- Tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ 10 ngày tới vào các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

## 2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước ngoài thực hiện chỉ đạo, phân công của Tổng cục Khí tượng thủy văn còn phải cung cấp các số liệu cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và các Chủ hồ chứa các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

b) Chủ hồ chứa Thác Mơ phải cung cấp cho Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia, Cục Quản lý tài nguyên nước, Tổng cục Khí tượng thủy văn, Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương); Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bình Phước các số liệu như sau:

- Mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu các hồ; lượng mưa, lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du thực tế 10 ngày qua trước 11 giờ các ngày 01, 11 và 21 hàng tháng.

- Lưu lượng đến hồ, tổng lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ các ngày 01, 11, 21 hàng tháng.

c) Chủ hồ chứa bậc trên có trách nhiệm thông báo đến Chủ hồ chứa bậc dưới (Thác Mơ đối với Cần Đơn, Cần Đơn đối với Srok Phu Miêng) các kịch bản, kế hoạch vận hành xả nước về hạ du đối với các trường hợp không theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận/phê duyệt.

## 3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Quy chế này.

## **Điều 27. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để tổ chức và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy chế này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

2. Chủ trì tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 21.



### **Điều 28. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Chủ trì tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm thẩm quyền của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

2. Chủ trì tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 9; khoản 4 Điều 18; khoản 5, khoản 6, khoản 8, khoản 9 Điều 21; điểm c khoản 7 Điều 22 và khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 23 (áp dụng đối với hồ thủy lợi) của Quy chế này.

### **Điều 29. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Công Thương**

1. Chủ trì kiểm tra công tác triển khai thực hiện các Phương án ứng phó thiên tai cho công trình và vùng hạ du đập thủy điện; Phương án bảo vệ an toàn đập; Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập thủy điện của Chủ hồ chứa thủy điện.

2. Chủ trì tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 21; khoản 3, khoản 6 Điều 23 (áp dụng đối với các hồ thủy điện) của Quy chế này.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chủ trì tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 18; khoản 8 Điều 21 và điểm b khoản 7 Điều 22 của Quy chế này.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc vận hành của các Chủ hồ chứa và tham mưu các công việc thuộc trách nhiệm, thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 23 của Quy chế này.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 32. Bảo đảm kinh phí**

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác chủ trì, phối hợp sử dụng kế hoạch kinh phí ngân sách hàng năm để thực hiện; Trường hợp phát sinh đột xuất, cơ quan chủ trì lập dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) cho phép sử dụng kinh phí dự phòng, kinh phí từ các nguồn khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 33. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ được quy định tại quy chế này, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Mi



**Phụ lục I**  
**BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA**  
*(Kèm theo Quyết định số 173/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 7 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

-----

TT	Thông số	Đơn vị	Hồ			
			Thác Mơ	Cần Đơn	Srok Phu Miêng	Phước Hòa
<b>I</b>	<b>CÁC ĐẶC TRƯNG LƯU VỰC</b>					
1	Lưu lượng TB nhiều năm	m <sup>3</sup> /s	87,4	150,3	160	
2	Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra	m <sup>3</sup> /s	6.100 P=0,1%	6.965 P=0,1%		6.200 P=0,1%
3	Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế	m <sup>3</sup> /s	4.900 P=0,5%	6.160 P=0,5%		4.200 P=0,5%
<b>II</b>	<b>THÔNG SỐ HỒ CHỨA</b>					
1	Mức nước dâng bình thường	m	218	110	72	42,9
2	Mức nước chết	m	198	104	70	42,5
3	Mức nước lũ thiết kế	m	219,6 P =0,5%	111,44 P =0,5%	72,75 P =0,5%	46,23 P =0,5%
4	Mức nước lũ kiểm tra	m	220,8 P=0,1%	112,36 P=0,1%	73,6 P=0,1%	48,25 P=0,1%
5	Dung tích toàn bộ (W <sub>tb</sub> )	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	1360	165,5	99,3	21
6	Dung tích hữu ích (W <sub>hi</sub> )	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	1250	79,9	28,57	2,45
7	Dung tích chết (W <sub>c</sub> )	10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup>	110	85,6	70,73	18,55
<b>III</b>	<b>ĐẬP DÂNG CHÍNH</b>					
1	Cao trình đỉnh đập	m	222,6	113,5	75,5	51,5
2	Chiều dài đỉnh đập	m	440	115	2.200	546
3	Chiều cao đập lớn nhất	m	46,5	45,5	31	28,5
<b>IV</b>	<b>ĐẬP TRÀN</b>					
1	Số khoang tràn	khoang	4	5	6	4
2	Kích thước cửa van	m <sup>2</sup>	11x11	10x12	11	4x10
3	Q <sub>xả</sub> max với P= 0.1%	m <sup>3</sup> /s	3.539	5.287	6.153	

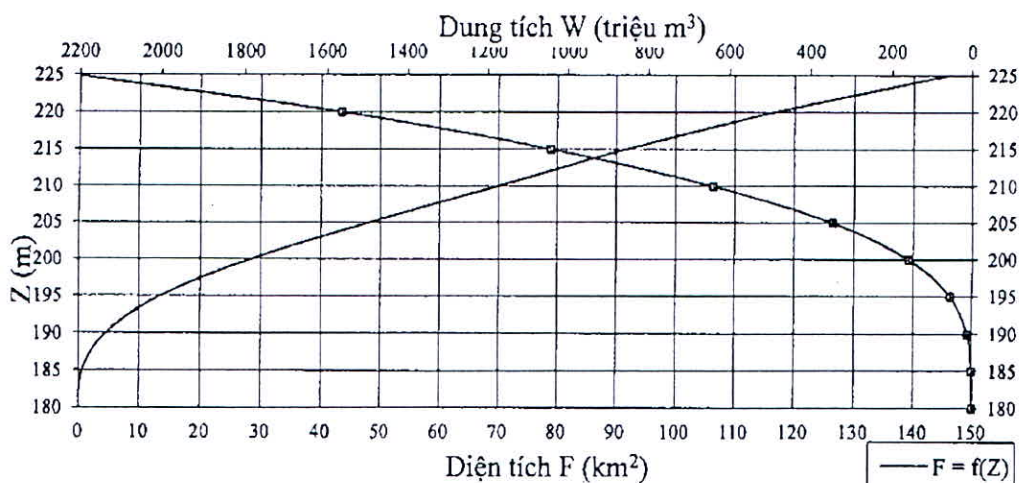


4	Cao trình ngưỡng tràn	m	207	98	59	32,5
<b>V</b>	<b>NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN</b>					
1	Lưu lượng lớn nhất	m <sup>3</sup> /s	279	269,6	302	
2	Công suất lắp máy	MW	225	77,6	51	
3	Số tổ máy	tổ	3	2	2	



**Phụ lục II**  
**BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ**  
**MỨC NƯỚC ĐIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH CÁC HỒ CHỨA**  
*(Kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 7 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

-----



**I. HỒ THÁC MƠ**

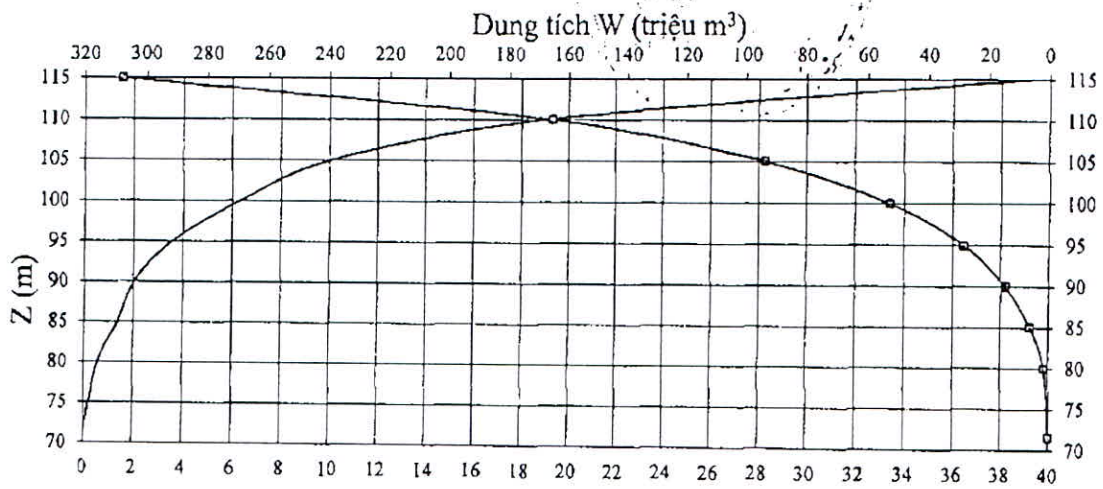
1. Biểu đồ quan hệ  $F=f(Z)$  và  $W=f(Z)$

2. Bảng quan hệ  $F=f(Z)$  và  $W=f(Z)$

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Z(m)	180	185	190	195	200	205	210	215	220	225
F (km <sup>2</sup> )	0	0,54	4,55	13,55	28,4	48,18	69,97	91,67	116,77	145,97
W (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	0	0,9	11,97	55,19	157,67	346,91	640,57	1043,44	1563,29	2218,79

## II. HỒ CÀN ĐƠN

### 1. Biểu đồ quan hệ $F = f(Z)$ và $W = f(Z)$



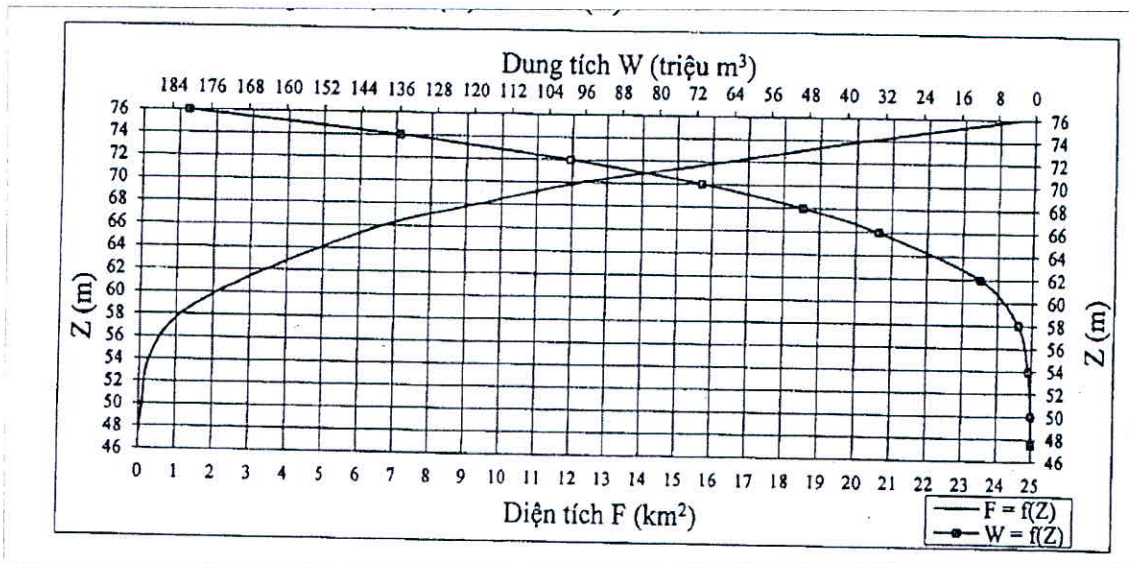
### 2. Bảng quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Z(m)	71,6	80	85	90	95	100	105	110	115
F(km <sup>2</sup> )	0	0,57	1,36	2,04	3,58	6,34	10,13	19,02	39,16
W(10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	0	1,59	6,25	14,68	28,53	52,98	93,78	165,49	307,94



### III. HỒ SROK PHU MIÊNG

#### 1. Biểu đồ quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$



#### 2. Bảng quan hệ $F=f(Z)$ và $W=f(Z)$

TT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Z(m)	47,5	50	54	58	62	66	68	70	72	74	76
F (km <sup>2</sup> )	0	0,10	0,26	1,11	3,42	6,65	9,35	12,26	16,42	20,27	24,54
W(10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	0	0,08	0,76	3,07	11,48	33,27	49,19	70,73	99,3	135,92	180,66



**Phụ lục III**  
**KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH TRONG MÙA CẠN**  
*(Kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 7 năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

-----

TT	Khoảng thời gian (ngày/tháng)		Khoảng mực nước (m) của hồ	
			Thác Mơ	
	Từ	Đến	Từ	Đến
1	01/12	11/12	216,1	217,1
2	11/12	21/12	215,8	216,8
3	21/12	01/01	215,5	216,3
4	01/01	11/01	215,0	215,9
5	11/01	21/01	214,4	215,4
6	21/01	01/02	213,7	214,9
7	01/02	11/02	213,2	214,3
8	11/02	21/02	212,5	213,5
9	21/02	01/3	211,8	212,8
10	01/3	11/3	211,1	212,0
11	11/3	21/3	210,2	211,2
12	21/3	01/4	209,3	210,4
13	01/4	11/4	208,2	209,5
14	11/4	21/4	207,1	208,4
15	21/4	01/5	206,0	207,2
16	01/5	11/5	204,7	206,1



17	11/5	21/5	203,5	205,1
18	21/5	01/6	202,9	204,1
19	01/6	11/6	202,5	203,6
20	11/6	21/6	202,2	203,2
21	21/6	30/6	202,2	203,2
22	30/6	11/7	(*)	(*)
23	11/7	21/7	(*)	(*)
24	21/7	31/7		(*)

(\*) Thời gian vận hành mùa lũ

